

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN rút thanh khoản giữa bối cảnh USDVND tăng mạnh

NHNN quay lại rút ròng thanh khoản

Trong tuần 07W25 (ngày 10 đến 14 tháng 2), NHNN thực hiện rút ròng thanh khoản trong bối cảnh áp lực tỷ giá tiếp tục tăng. Cụ thể, NHNN đã phát hành 85.63 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng repo trong khi 121.14 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến rút ròng 35.50 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Thêm vào đó, NHNN đã bơm 2.60 nghìn tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng thông qua việc phát hành 19.60 nghìn tỷ đồng tín phiếu, trong khi 17.00 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần này. Tổng cộng, NHNN ghi nhận mức rút ròng 38.10 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng.

Lãi suất liên ngân hàng giảm trên tất cả các kỳ hạn

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng giảm trên tất cả các kỳ hạn, trong khi khối lượng giao dịch duy trì tương đối ổn định. Cụ thể, lãi suất các kỳ hạn ngắn như qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng lần lượt giảm 35 đcb, 30 đcb, 20 đcb và 10 đcb, xuống mức 3.90%, 4.10%, 4.25% và 4.55%. Ngoài ra, khối lượng giao dịch bình quân trong tuần tăng nhẹ 2.37%, đạt 449.27 nghìn tỷ đồng.

USDVND tăng kỷ lục

Trong tuần này, USDVND tăng mạnh bất chấp đồng USD suy yếu. Cụ thể, tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng 0.34%, tương đương 87 điểm phần trăm so với tuần trước, chốt ở mức 25,399 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, đồng USD mạnh lên vào đầu tuần do áp lực lạm phát của Mỹ cao hơn dự báo và lo ngại về chiến tranh thương mại leo thang, song suy giảm dần khi các áp lực hạ nhiệt vào cuối tuần. Trong nước, áp lực tỷ giá gia tăng mạnh vào đầu tuần do lo ngại về thuế quan, cùng với việc NHNN điều chỉnh cơ chế niêm yết cả chiều mua và bán USD khi bỏ trần tỷ giá cố định và chuyển sang điều chỉnh linh hoạt theo tỷ giá trung tâm

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T8/24	T9/24	T10/24	T11/24	T12/24	T1/25	Corr. ¹
FDI %n/n	5.3	13.2	7.6	-6.7	25.2	2.0	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.4	7.1	9.4	8.4	9.3	9.5	-0.18
Xuất khẩu %n/n	15.2	10.7	10.1	8.2	12.9	-7.0	-0.16
Nhập khẩu %n/n	14.7	11.1	13.6	9.8	19.2	0.2	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	4.0	2.3	2.0	1.1	0.5	1.2	-0.11
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t		0.29	0.33	0.13	0.29	0.98	-0.06
Tín dụng %n/n	15.7	16.1	16.6	15.8	13.8	N/A	-0.23
USDVND %t/t	-1.48	-1.24	2.91	0.25	0.55	-1.59	-0.39
PMI(Điểm)	52.4	47.3	51.2	50.8	49.8	48.9	-0.25
VNINDEX %t/t	2.6	0.8	-1.8	-1.0	1.5	-0.1	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN quay lại rút ròng thanh khoản	1
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm trên tất cả các kỳ hạn..	3
III. Lợi suất TPCP tăng ở tất cả kỳ hạn	4
IV. USDVND tăng kỷ lục	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

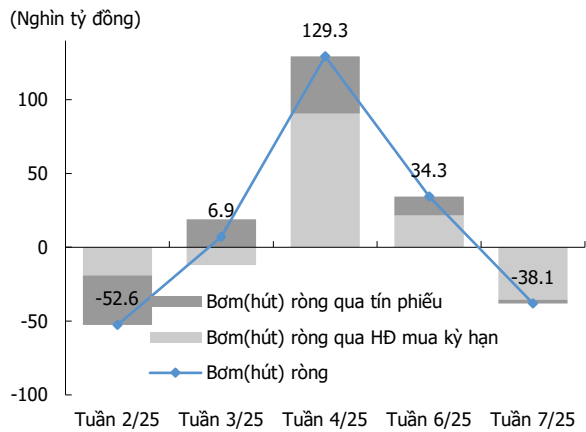
I. NHNN quay lại rút ròng thanh khoản

NHNN hút thanh khoản sau hai tuần bơm ròng mạnh

Trong tuần 07W25 (từ ngày 10 đến 14 tháng 2), NHNN thực hiện rút ròng thanh khoản trong bối cảnh áp lực tỷ giá tiếp tục tăng. Cụ thể, NHNN đã phát hành 85.63 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng repo trong khi 121.14 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến rút ròng 35.50 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Thêm vào đó, NHNN đã bơm 2.60 nghìn tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng thông qua việc phát hành 19.60 nghìn tỷ đồng tín phiếu, trong khi 17.00 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần này. Tổng cộng, NHNN ghi nhận mức rút ròng 38.10 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng.

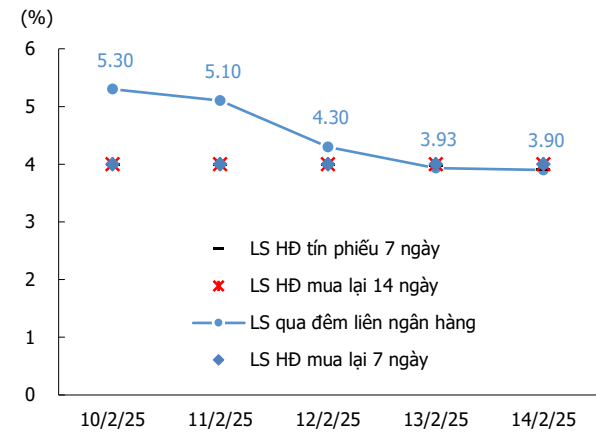
Trong bối cảnh áp lực tỷ giá vẫn còn, động thái của NHNN tuần này chủ yếu nhằm hấp thụ lượng thanh khoản dư thừa trong hệ thống ngân hàng sau hai tuần liên tiếp bơm ròng mạnh vào hệ thống ngân hàng. Trong những tuần tới, áp lực tỷ giá được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao khi các sắc lệnh hành pháp của Trump về thuế quan trả đũa đối với các đối tác thương mại bắt đầu có hiệu lực, do đó NHNN dự kiến sẽ điều tiết cung tiền thông qua OMO nhằm hạn chế sự mất giá của đồng nội tệ.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
10/2/25	17/2/25	7	15.00	4.00
11/2/25	18/2/25	7	9.79	4.00
12/2/25	19/2/25	7	6.65	4.00
14/2/25	21/2/25	7	3.76	4.00
Tổng		7	35.2	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 14 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
10/2/25	24/2/25	14	16.37	4.00
11/2/25	25/2/25	14	12.69	4.00
12/2/25	26/2/25	14	10.00	4.00
13/2/25	27/2/25	14	11.36	4.00
Tổng		14	50.4	4.00

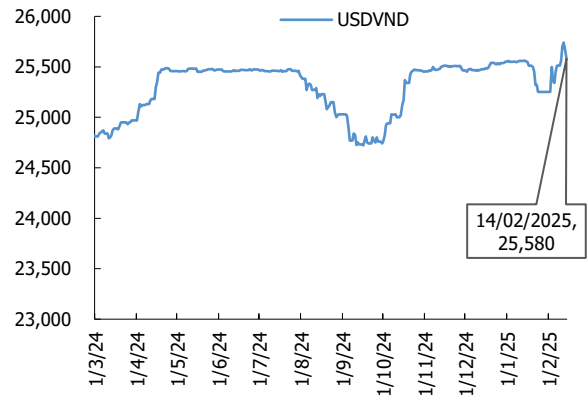
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ tín phiếu 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
10/2/25	17/2/25	7	1.60	4.00
11/2/25	18/2/25	7	3.00	4.00
12/2/25	19/2/25	7	5.00	4.00
13/2/25	20/2/25	7	5.00	3.97
14/2/25	21/2/25	7	5.00	3.90
Tổng		7	19.60	3.97

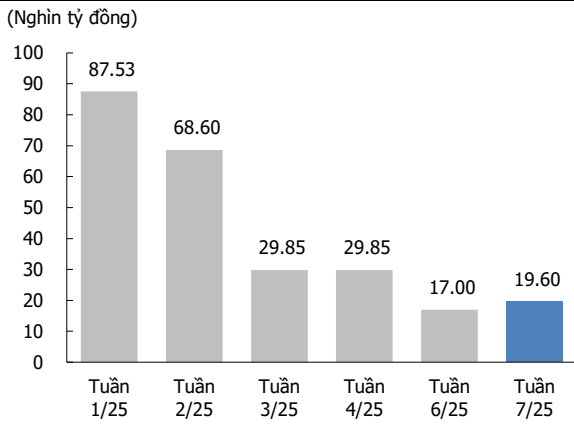
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Diễn biến USDVND



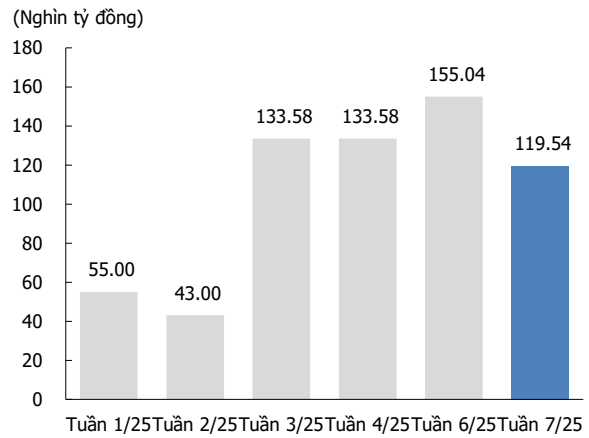
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 7. Tín phiếu đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 8. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

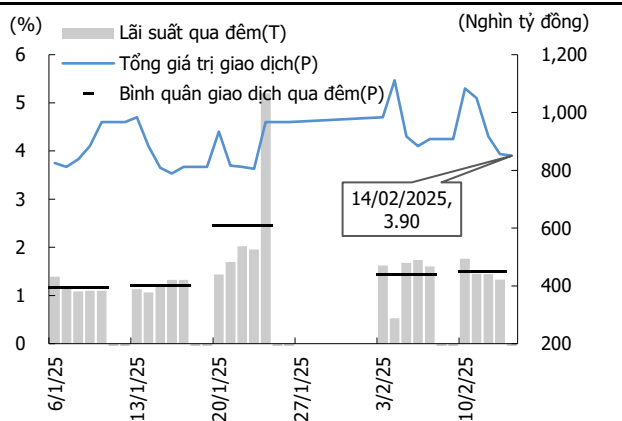
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm trên tất cả các kỳ hạn

Lãi suất liên ngân hàng giảm trên tất cả các kỳ hạn

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng giảm trên tất cả các kỳ hạn, trong khi khối lượng giao dịch duy trì tương đối ổn định. Cụ thể, lãi suất các kỳ hạn ngắn như qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W) và 1 tháng (1M) lần lượt giảm 35 đcb, 30 đcb, 20 đcb và 10 đcb, xuống mức 3.90%, 4.10%, 4.25% và 4.55%. Trong khi đó, các kỳ hạn dài hơn như 3 tháng (3M), 6 tháng (6M), 9 tháng (9M) và 1 năm (1Y) cũng giảm lần lượt 30 đcb, 15 đcb, 20 đcb và 20 đcb, xuống mức 4.70%, 4.95%, 5.00% và 5.00%. Ngoài ra, khối lượng giao dịch bình quân trong tuần tăng nhẹ 2.37%, đạt 449.27 nghìn tỷ đồng.

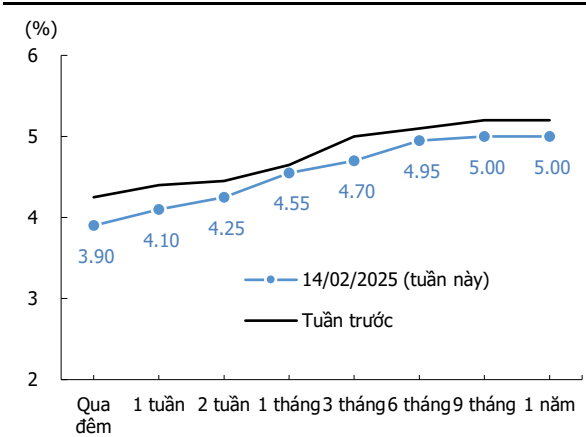
Diễn biến giảm của lãi suất liên ngân hàng trong tuần này cho thấy áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng đã hạ nhiệt sau khi NHNN thực hiện bơm ròng mạnh trong tuần trước Tết và thị trường dần ổn định trở lại sau kỳ nghỉ.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



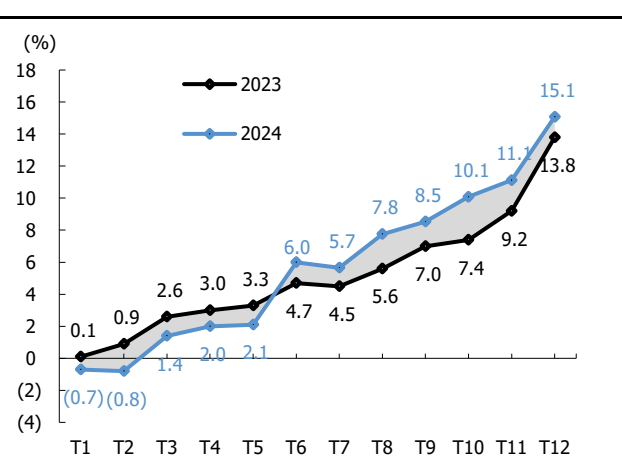
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



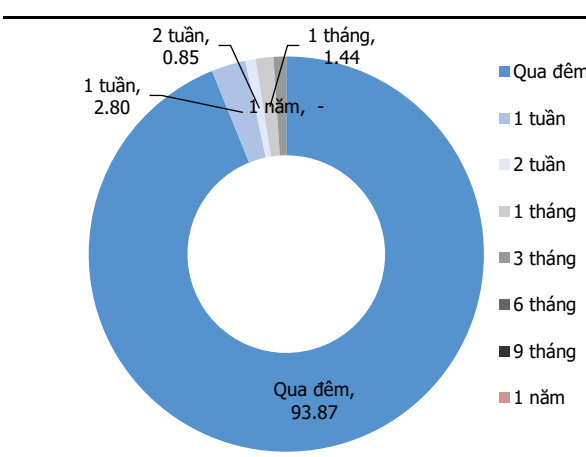
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
Ghi chú: Cập nhật đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



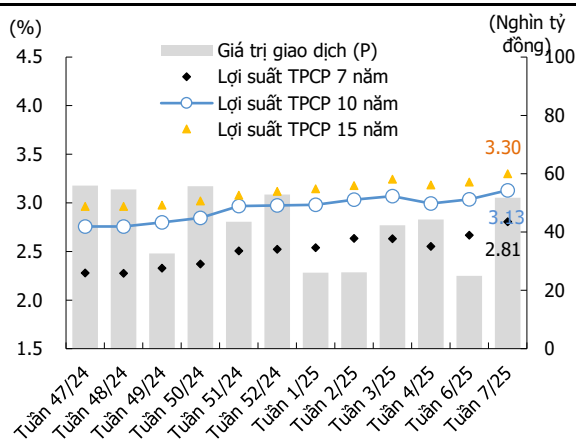
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP tăng ở tất cả kỳ hạn

Lợi suất TPCP tăng ở tất cả các kỳ hạn, trong khi giá trị giao dịch tăng gấp đôi

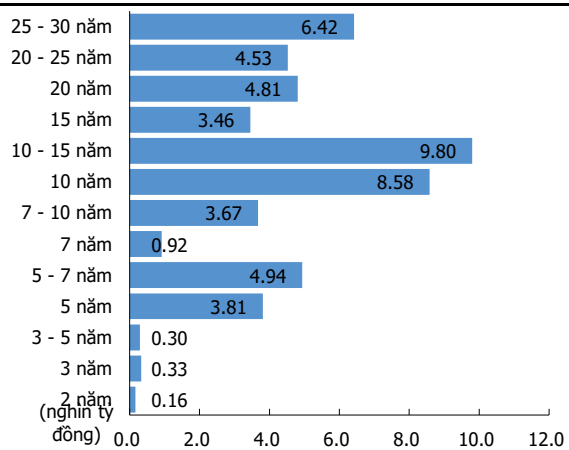
Trong tuần này, lợi suất trái phiếu Chính phủ (TPCP) tăng ở tất cả các kỳ hạn, với đường cong lợi suất dốc lên do lợi suất kỳ hạn trung và dài hạn tăng mạnh, trong khi giá trị giao dịch cũng gia tăng đáng kể. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn được giao dịch tích cực như 5 năm, 7 năm, 10 năm, 15 năm và 30 năm lần lượt tăng 8đcb, 14đcb, và 9đcb cho các kỳ hạn còn lại, đạt mức 2.43%, 2.81%, 3.13%, 3.30% và 3.45%. Tổng giá trị giao dịch tăng mạnh 107.34% so với tuần trước, đạt 51.71 nghìn tỷ đồng, với giá trị giao dịch trung bình hàng ngày ở mức 10.34 nghìn tỷ đồng.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



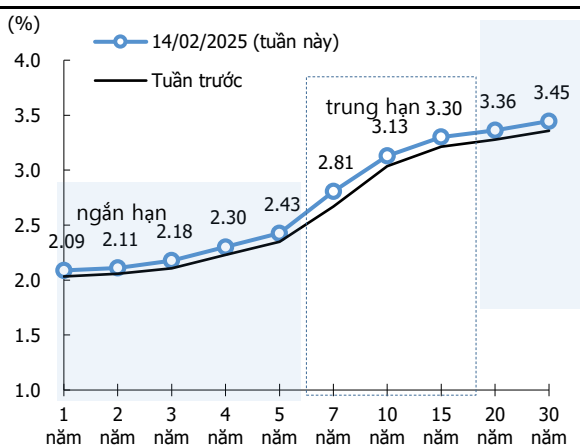
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



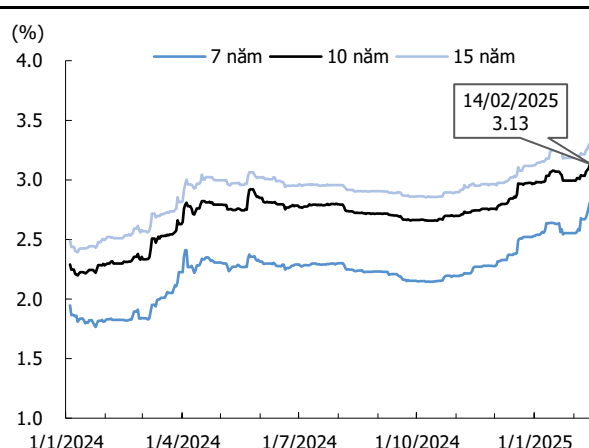
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

Hình 16: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày

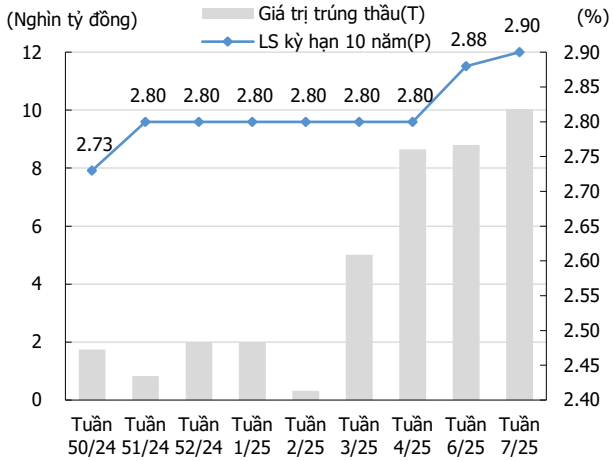


Nguồn: HNX, VBMA, KIS

Trên thị trường sơ cấp, tuần thứ 7 tiếp tục ghi nhận sự mở rộng trong bốn tuần liên tiếp, với lợi suất trúng thầu và giá trị phát hành đều tăng. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 10.04 nghìn tỷ đồng trong tuần này, tăng 14.1% so với tuần trước, trong khi lợi suất trúng thầu tăng nhẹ 2đcb, đạt 2.90%. Tính đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 34.82 nghìn tỷ đồng kể từ đầu năm, hoàn thành 7.0% mục tiêu phát hành năm 2024, nhanh hơn so với mức 6.8% cùng kỳ năm ngoái.

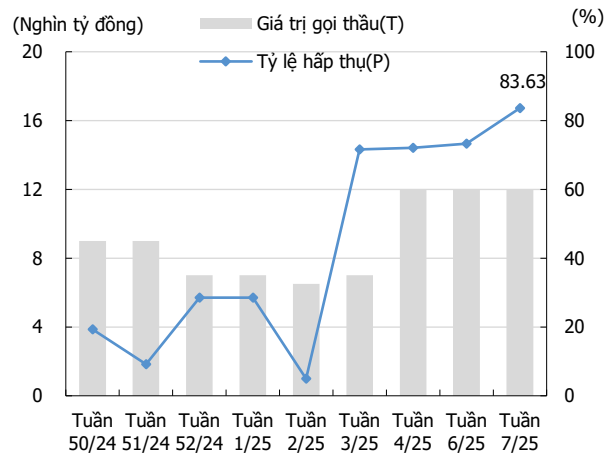
Với mục tiêu phát hành năm nay cao hơn so với năm 2024 (lên đến 500 nghìn tỷ đồng), cùng với tiến độ triển khai nhanh ngay từ những tuần đầu tiên, hoạt động phát hành mạnh mẽ của KBNN phản ánh nỗ lực đáng kể trong việc thúc đẩy các dự án đầu tư công, vốn được kỳ vọng sẽ là trọng tâm trong năm 2025.

Hình 17: Giá trị trúng thầu hàng tuần



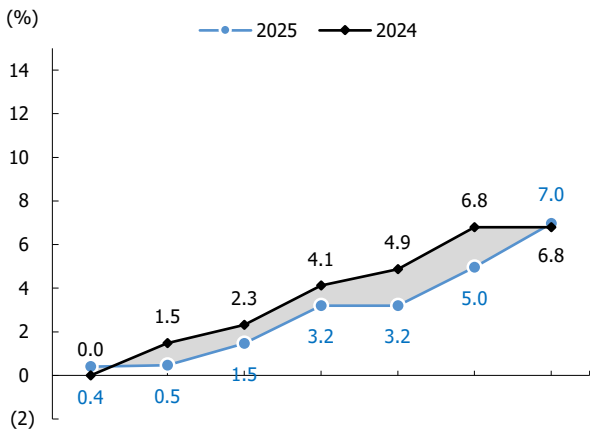
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Hệ số hấp thụ hàng tuần



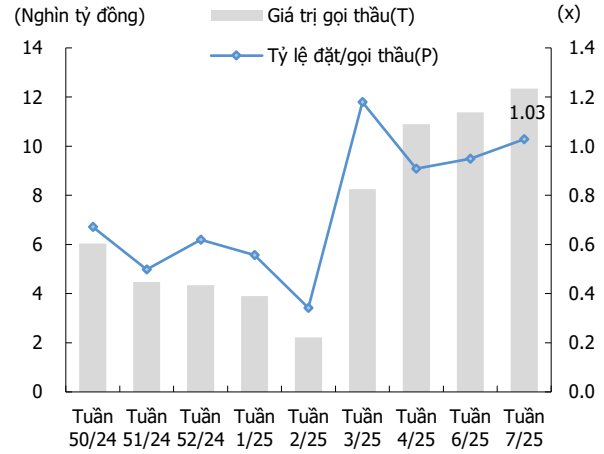
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



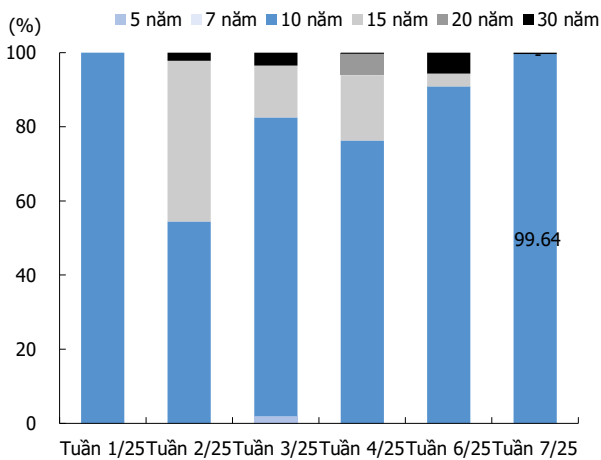
Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



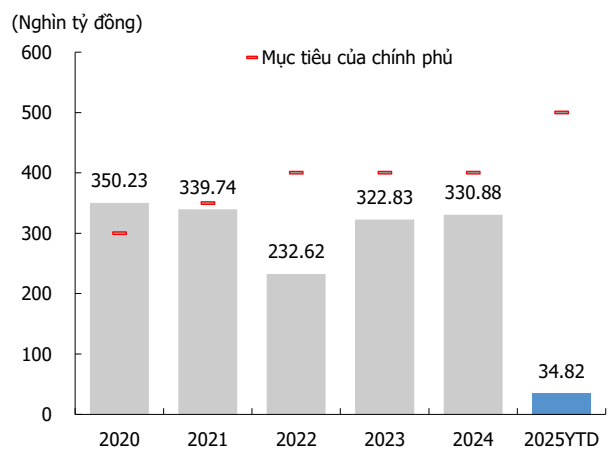
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 22: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

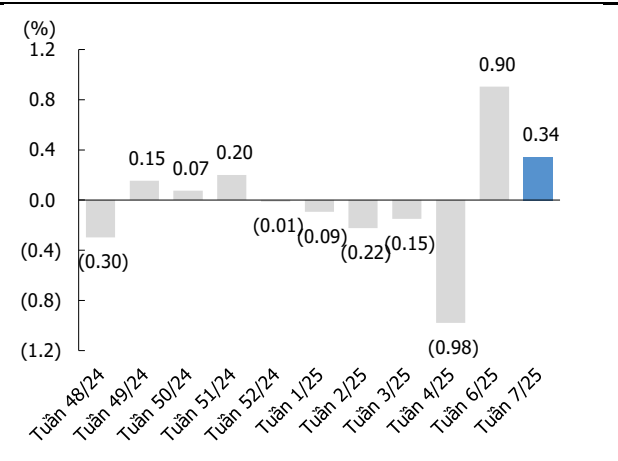
IV. USDVND tăng kỷ lục

USDVND tiếp tục tăng khi NHNN điều chỉnh cơ chế niêm yết tỷ giá

Trong tuần này, USDVND tăng mạnh bất chấp đồng USD suy yếu. Cụ thể, tỷ giá USDVND liên ngân hàng tăng 0.34%, tương đương 87 điểm phần trăm so với tuần trước, chốt ở mức 25,399 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, đồng USD mạnh lên vào đầu tuần do áp lực lạm phát của Mỹ cao hơn dự báo và lo ngại về chiến tranh thương mại leo thang. Tuy nhiên, USD suy yếu vào cuối tuần sau khi dữ liệu doanh số bán lẻ gây thất vọng, kế hoạch áp thuế trả đũa bị trì hoãn, và cuộc gặp giữa các lãnh đạo trong xung đột Nga-Ukraine làm dấy lên kỳ vọng về hòa bình trong tương lai. Kết quả là chỉ số DXY giảm 1.53%, xuống còn 106.7 vào ngày thứ Sáu. Trong nước, áp lực tỷ giá gia tăng mạnh vào đầu tuần do lo ngại về thuế quan, cùng với việc NHNN điều chỉnh cơ chế niêm yết cả chiều mua và bán USD khi bỏ trần tỷ giá cố định và chuyển sang điều chỉnh linh hoạt theo tỷ giá trung tâm. Điều này đã khiến USDVND đạt mức cao kỷ lục 25,567 trên thị trường liên ngân hàng vào đầu tuần, trước khi dần hạ nhiệt vào cuối tuần nhờ các diễn biến toàn cầu ổn định hơn. Việc đồng nội tệ mất giá mạnh cũng ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư, khiến khối ngoại tiếp tục bán ròng trên sàn HOSE, với mức bán mạnh nhất vào đầu tuần khi áp lực tỷ giá gia tăng. Tổng giá trị bán ròng của khối ngoại đạt 1.84 nghìn tỷ đồng, tương đương 2.6% tổng giá trị giao dịch trong tuần. Theo quan điểm của chúng tôi, NHNN có thể duy trì cơ chế báo giá hiện tại cho đến khi các chính sách thuế quan của Trump rõ ràng hơn. Mặc dù áp lực tỷ giá vẫn sẽ tiếp diễn, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ kiểm soát tốt với các yếu tố hỗ trợ như dòng kiều hối, thặng dư thương mại, và thông tin từ Đại sứ Mỹ rằng Việt Nam không phải là mục tiêu chính của chính sách thuế mới. Những yếu tố này sẽ góp phần tích cực vào công tác điều hành tỷ giá của NHNN trong thời gian tới.

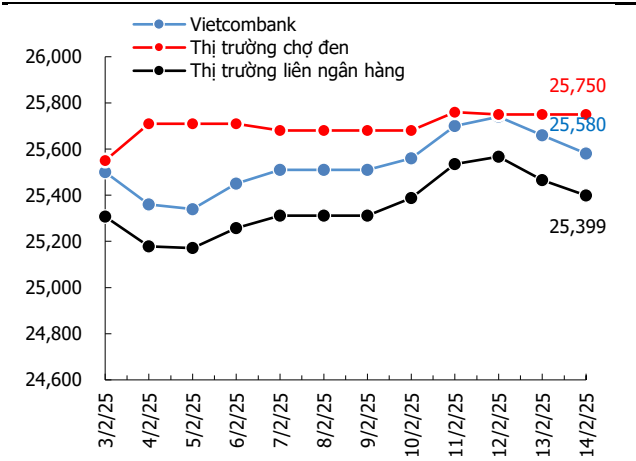
Về diễn biến thị trường ngoại hối, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường tự do đồng loạt tăng 0.27% (tương đương 70 điểm phần trăm) so với tuần trước. Vào ngày thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường tự do lần lượt ghi nhận ở mức 25,580 và 25,750 đồng/USD.

Hình 23: Diễn biến của USDVND theo tuần



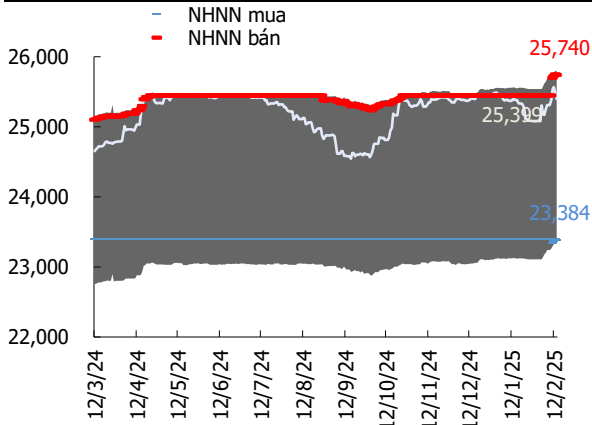
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



Nguồn: TCTT, KIS

Hình 25: Diễn biến giao dịch của NHNN



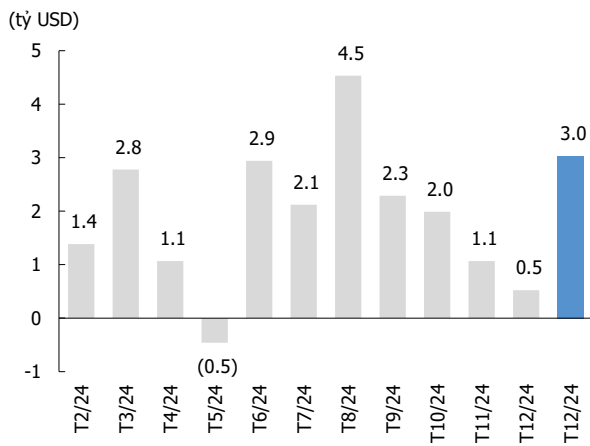
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 26: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



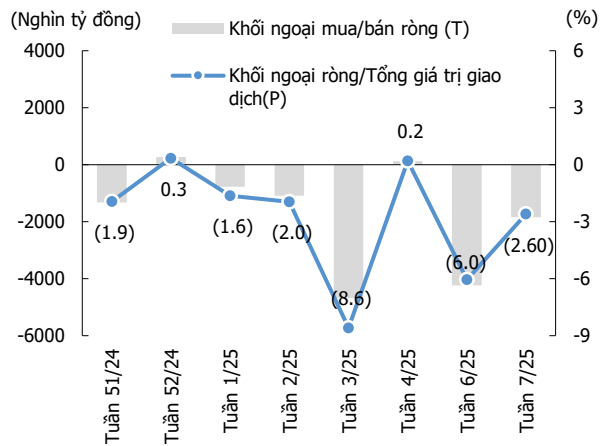
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 27: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



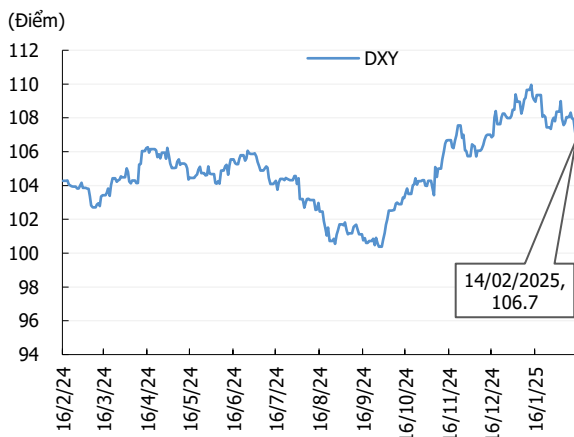
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 6 tháng 2, 2024

Hình 28: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 29: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 30: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

Tỷ giá	Cơ chế	4W25	6W25	7W25	2025 YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	-1.74	0.56	-1.23	-1.64
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	-1.15	0.74	-0.51	-0.58
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	2.18	-1.61	1.59	1.33
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	-0.19	-2.94	0.59	-3.11
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	-1.84	1.28	-0.53	-2.10
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	-1.62	0.58	-1.08	-1.93
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	-2.36	0.00	-0.08	-1.39
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	-0.98	0.90	0.34	-0.35

Nguồn: NHNN, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T9/24	T10/24	T11/24	T12/24	T1/25	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						5.66	6.93	7.43	7.55	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	4.26	2.48	4.12	6.85	4.34	6.18	9.01	9.59	13.44	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.24	2.29	2.23	2.22	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	34.05	35.59	33.73	35.53	32.15	93.06	98.2	108.6	105.9	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	31.76	33.60	32.67	35.00	30.92	84.98	94.0	99.7	101.9	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	10.70	10.09	8.16	12.85	-6.97	16.98	13.59	15.82	11.46	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	11.06	13.56	9.81	19.23	0.21	13.88	20.65	17.19	14.91	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	2.63	2.68	2.77	2.94	3.63	3.77	4.39	3.48	2.87	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/VND	24,093	25,282	25,346	25,386	25,082	24,786	25,458	24,093	25,386	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	16.1	16.2	15.8	13.8	N/A	12.5	15.3	16.1	13.8	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	2.66	2.70	2.76	2.94	2.99	2.59	2.81	2.66	2.94	2.11	5.08	2.39	2.94

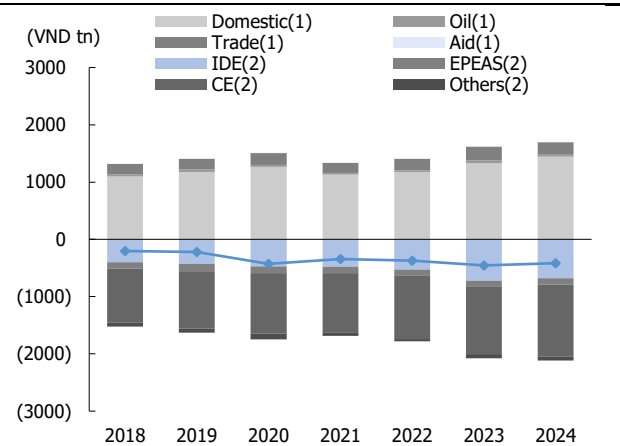
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

**Khái niệm

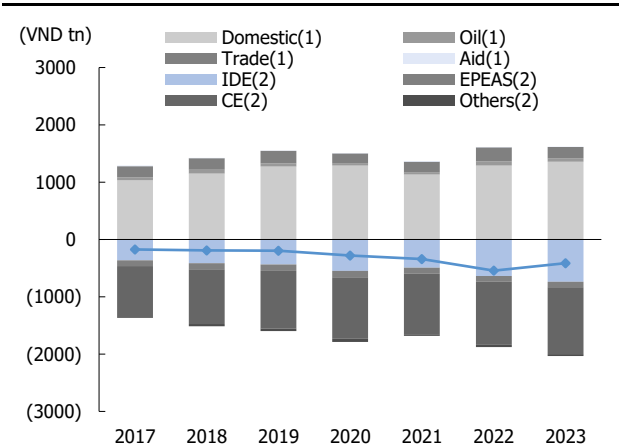
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.90%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 83.63%
- * Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 1.03%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~106.7
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.90%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	2Q24	3Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	4.5	7.8
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	97.9	108.2
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	89.3	94.6
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	8.5	13.6
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.5	5.9
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.3	9.8
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	5.4	6.1
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	3.8	3.9
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.1	1.0
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	(6.3)	(2.7)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	5.0	5.2
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	(0.1)
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(1.6)	(0.8)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	(5.2)	(2.6)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(4.4)	(4.2)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(5.1)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	6.1	(0.1)

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.